

Chi tiết mã HS 3306.20.00

Mã HS	3306.20.00
Mô tả hàng hóa	Chế phẩm dùng cho vệ sinh răng hoặc miệng, kể cả bột và bột nhào làm chặt chân răng; chỉ tơ nha khoa làm sạch kẽ răng (dental floss), đã đóng gói để bán lẻ / - Chỉ tơ nha khoa làm sạch kẽ răng (dental floss)
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 20:18:05
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/33062000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	9	9%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4977
Thuế NK ưu đãi (MFN)	6	6%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4977
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4977
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	1	1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1,5	1,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1,5	1,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	3,3	3,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.4	3,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4871
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4832
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4832
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4832
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4832
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4832
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4832
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E4876
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4876

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4876
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4876
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4876
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4876
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E4874
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F4874
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4874
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4874
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4874
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4874
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4874
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4838
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4834
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4834
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4834
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4834
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4834
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4834
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4843
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4843
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4843
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4843
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4843
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4843
VCFTA	2022	2022	4	VC!D4881
VCFTA	2023	2023	2	VC!E4881

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4881
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4881
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4881
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4881
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4878
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4878
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4878
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4878
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4878
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4878
AHKFTA	2022	2022	4	AKH!D4886
AHKFTA	2023	2023	2	AKH!E4886
AHKFTA	2024	2024	2	AKH!F4886
AHKFTA	2025	2025	1	AKH!G4886
AHKFTA	2026	2026	1	AKH!H4886
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4886
EVFTA	2022	2022	7,5	EV-NK!D4857
EVFTA	2023	2023	6	EV-NK!E4857
EVFTA	2024	2024	4,5	EV-NK!F4857
EVFTA	2025	2025	3	EV-NK!G4857
EVFTA	2026	2026	1,5	EV-NK!H4857
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4857
UKVFTA	2022	2022	7,5	UKV!D4859
UKVFTA	2023	2023	6	UKV!E4859
UKVFTA	2024	2024	4,5	UKV!F4859
UKVFTA	2025	2025	3	UKV!G4859

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	1,5	UKV!H4859
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4859
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4857
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4857
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4857
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4857
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4857
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4857
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4857
RCEP A	2022	2022	5,4	RCEPT-A!D4878
RCEP A	2023	2023	4,8	RCEPT-A!E4878
RCEP A	2024	2024	4,2	RCEPT-A!F4878
RCEP A	2025	2025	3,6	RCEPT-A!G4878
RCEP A	2026	2026	3	RCEPT-A!H4878
RCEP A	2027	2027	2,4	RCEPT-A!I4878
RCEP B	2022	2022	5,4	B!D4878
RCEP B	2023	2023	4,8	B!E4878
RCEP B	2024	2024	4,2	B!F4878
RCEP B	2025	2025	3,6	B!G4878
RCEP B	2026	2026	3	B!H4878
RCEP B	2027	2027	2,4	B!I4878
RCEP C	2022	2022	5,4	C!D4878
RCEP C	2023	2023	4,8	C!E4878
RCEP C	2024	2024	4,2	C!F4878
RCEP C	2025	2025	3,6	C!G4878
RCEP C	2026	2026	3	C!H4878

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	2,4	C!I4878
RCEP D	2022	2022	5,5	D!D4878
RCEP D	2023	2023	4,9	D!E4878
RCEP D	2024	2024	4,4	D!F4878
RCEP D	2025	2025	3,8	D!G4878
RCEP D	2026	2026	3,3	D!H4878
RCEP D	2027	2027	2,7	D!I4878
RCEP E	2022	2022	5,4	E!D4881
RCEP E	2023	2023	4,8	E!E4881
RCEP E	2024	2024	4,2	E!F4881
RCEP E	2025	2025	3,6	E!G4881
RCEP E	2026	2026	3	E!H4881
RCEP E	2027	2027	2,4	E!I4881
RCEP F	2022	2022	5,4	F!D4878
RCEP F	2023	2023	4,8	F!E4878
RCEP F	2024	2024	4,2	F!F4878
RCEP F	2025	2025	3,6	F!G4878
RCEP F	2026	2026	3	F!H4878
RCEP F	2027	2027	2,4	F!I4878
VIFTA	2024	2024	5.1	VI!F4495
VIFTA	2025	2025	4.3	VI!G4495
VIFTA	2026	2026	3.4	VI!H4495
VIFTA	2027	2027	2.6	VI!I4495

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3306.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 6% của mã 3306.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4977), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.